

Số: 1573823

|                                            | Mazda CX-3 1.5L AT                              | Kia Soluto AT Luxury |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>522.000.000đ</b>                             | <b>449.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                 |                      |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4275 x 1765 x 1535                              | 4300 x 1700 x 1460   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                                            | 2570                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                            | 5200                 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 155                                             | 150                  |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1264                                            | 1040                 |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1695                                            | 1490                 |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 350                                             | 475                  |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 48                                              | 43                   |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                               | 5                    |
| Nguồn gốc                                  | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                 |                      |
| Loại động cơ                               | Skyactiv-G 1.5L                                 | Xăng, Kappa 1.4L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1496                                            | 1368                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 110 / 6000                                      | 94 / 6000            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4000                                      | 132 / 4000           |
| Hộp số                                     | 6AT                                             | 4AT                  |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)      |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson                              | Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                                      | Thanh xoắn           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                             | Đĩa                  |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                             | Đĩa                  |
| Thông số lốp xe                            | 215/50 R18                                      | 174/70 R14           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.2                                             | 8.73                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.96                                            | 5.52                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.15                                            | 6.7                  |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ●                                               |                      |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport                                    |                      |
| Trang bị khác                              | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                 |                      |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                                         | Halogen              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | -                                               |                      |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | -                                               |                      |
| Đèn ban ngày LED                           | Halogen                                         | LED                  |
| Đèn sương mù                               | LED                                             | Halogen              |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                                         | Halogen              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                               | ●                    |
| Gạt mưa tự động                            | -                                               |                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                 |                      |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                               | ●                    |
| Chất liệu ghế                              | Nỉ                                              | Da                   |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                               | ●                    |

|                                            |                  |          |
|--------------------------------------------|------------------|----------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                | ●        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                | ●        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | 2.8" LCD |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 7"               | AVN 7"   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                |          |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | Chỉnh cơ         |          |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                | 1        |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                | ●        |
| Khởi động nút bấm                          | ●                | ●        |
| Hệ thống âm thanh                          | 6 loa            | 6 loa    |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                |          |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                |          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                |          |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |          |
| Số túi khí                                 | 6                | 2        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●        |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                | ●        |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                | ●        |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                | ●        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                | ●        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                | ●        |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                |          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau              | Sau      |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control   | ●        |
| Camera lùi                                 | ●                | ●        |